

Bản án số: 09/2018/DS-ST.  
Ngày: 31/01/2018.  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa Pên tòa:* Ông Tạ Nam Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Minh Hiền.

2/ Bà Vũ Thị Tứ.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản Pên tòa:* Bà Ngô Thị Hằng Nga – cán bộ Tòa án nhân dân Quận 2.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia Phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2016, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn Pên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A.

Địa chỉ: phường X, Quận Y, Thành phố Z.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Long P, sinh năm 1988 - là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 17-2016/ABP-CV ngày 31/3/2016 của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A). (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường Q, Quận Y, Thành phố Z.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A có ông Lê Long P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ngày 24/09/2013, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A có cho ông Bùi Văn T, ngụ tại phường Q, Quận Y, Thành phố Z, vay số tiền là 15.000.000 đồng, thời

hạn vay là 24 tháng theo Hợp đồng tín dụng số 452/2013/HĐTD-ABP ký ngày 24/09/2013 với phương thức thanh toán: Trả gốc và lãi vay hàng tháng, thời hạn vay 24 tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã thanh toán tổng số tiền là 6.120.000 đồng (bao gồm tiền gốc: 5.040.000 đồng tính từ ngày 04/11/2013 đến ngày 11/06/2014 và tiền lãi: 1.080.000 đồng tính từ ngày 04/11/2013 đến ngày 11/06/2014).

Trong quá trình vay, ông T không thanh toán theo cam kết trên hợp đồng mặc dù Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A đã nhiều lần gọi điện, gặp và gửi thư nhắc nhở nhưng ông T không thanh toán nợ vay.

Do ông T đã vi phạm điều khoản trả nợ vay của hợp đồng tín dụng và hiện nay hợp đồng vay đã hết hạn vào ngày 24/09/2015 nên khoản vay đã bị chuyển nợ xấu.

Tính tới thời điểm 31/01/2018, tổng số tiền ông T còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A là 17.010.000 đồng (gồm tiền gốc: 9.960.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.160.000 đồng và tiền lãi quá hạn: 7.050.000 đồng).

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A đề nghị Toà án buộc ông Bùi Văn T phải trả toàn bộ số nợ trên một lần cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A ngay sau khi bản án của Toà có hiệu lực pháp luật và tiếp tục phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/02/2018 cho đến khi trả nợ xong.

\* Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Long P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa đã công khai các T liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập theo quy định của pháp luật.

***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý và Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tiến hành thủ tục tố tụng được thực hiện đầy đủ và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung yêu cầu của đương sự: Căn cứ T liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp cũng như diễn biến tại Phiên tòa hôm nay thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận giữa các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp:** Theo đơn khởi kiện thì bị đơn ông Bùi Văn T có ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A vay tiền mục đích tiêu dùng cá nhân nên đây là quan hệ tranh chấp về "Hợp đồng vay T sản" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** đây là Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

### **[3] Về tố tụng:**

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ và theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

*Xét phạm vi giải quyết của vụ án:* Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn trong vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Xét việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:* Nguyên đơn đã được tiếp cận các chứng cứ, bị đơn đã được tổng đạt niêm yết biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không ai có yêu cầu, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án căn cứ vào các T liệu chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa

vụ chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 91, 91, Điều 95, 96 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

Quý tín dụng nhân dân cơ sở A đề nghị Toà án buộc ông Bùi Văn T phải trả toàn bộ số nợ là 17.010.000 đồng (gồm tiền gốc: 9.960.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.160.000 đồng và tiền lãi quá hạn: 7.050.000 đồng) ngay một lần cho Quý tín dụng nhân dân cơ sở A ngay sau khi bản án của Toà có hiệu lực pháp luật và tiếp tục phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/02/2018 cho đến khi trả nợ xong.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng số 452/2013/HĐTD-ABP ngày 24/09/2013 được ký kết giữa Quý tín dụng nhân dân cơ sở A và ông Bùi Văn T xuất phát từ sự tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bị đơn ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ nên Quý tín dụng nhân dân cơ sở A yêu cầu ông T phải trả số tiền 17.010.000 đồng (gồm tiền gốc: 9.960.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.160.000 đồng và tiền lãi quá hạn: 7.050.000 đồng) một lần cho Quý tín dụng nhân dân cơ sở A ngay sau khi bản án của Toà có hiệu lực pháp luật và tiếp tục phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/02/2018 cho đến khi trả nợ xong là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:**

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

**[6] Về án phí:**

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Bùi Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 850.500 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 21 khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92; Điều 95, 96; Điều 210; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Điều 2; Điều 6, 7; Điều 9; Điều 26; Điều 30; Điều 35; Điều 53 và Điều 105 của Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quý tín dụng nhân dân cơ sở A:

Buộc ông Bùi Văn T phải trả số tiền 17.010.000 đồng (gồm tiền gốc: 9.960.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.160.000 đồng và tiền lãi quá hạn: 7.050.000 đồng) cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A một lần ngay sau khi bản án của Toà có hiệu lực pháp luật.

Đôi bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Do trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và thoả thuận của hai bên nên mức lãi sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: là 850.500 đồng ông Bùi Văn T phải chịu.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 349.650 đồng theo biên lai số 04516 ngày 01/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Thời hạn kháng cáo bản án của các đương sự là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Thời hạn kháng nghị bản án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là 15 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Tạ Nam Phương**